| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**TỈNH BẮC KẠN** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án số: 01/2020/LĐ-PT
Ngày: 20/01/2020
V/v: Tranh chấp đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động

# NHÂN DANH

## NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

## TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC KẠN

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***

***Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:*** Bà **Đàm Thị Minh Hường**

***Các Thẩm phán:*** 1. Ông **Hoàng Hữu Truyền**

2. Bà **Hoàng Thị Thu Hường**

***- Thư ký phiên tòa:*** Bà **Lục Thị Ánh Nguyệt** – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Kạn.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Kạn tham gia phiên tòa:*** Bà **Hoàng Ánh Dương** – Kiểm sát viên.

Trong các ngày 15/01/2020 và 20/01/2020, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Kạn, xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 01/2019/TLPT-LĐ ngày 18 tháng 9 năm 2019, về việc *"Tranh chấp đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2020/QĐ-PT ngày 02 tháng 01 năm 2020 giữa các đương sự:

**** Nguyên đơn:*** Ông Hà Văn T (Tên gọi khác: Hà Văn A) – Sinh năm 1984. Có mặt.

Địa chỉ: Tổ 11B, phường Đức Xuân, thành phố Bắc kạn, tỉnh Bắc Kạn.

**** Bị đơn***: Ban quản lý Môi trường và Đô thị huyện C

Địa chỉ: Tổ 1, thị trấn C, huyện C, tỉnh Bắc Kạn.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Văn H – Chức vụ: Phó Chủ tịch UBND huyện C, kiêm Trưởng ban Quản lý Môi trường và Đô thị huyện C. Có mặt.

**** Người làm chứng:***

1. Đỗ Thị T – Sinh năm 1970, vắng mặt.

2. Phạm Thị Thúy H – Sinh năm 1975, vắng mặt.

3. Quán Thị P – Sinh năm 1975, vắng mặt.

4. Trần Văn V – Sinh năm 1973, vắng mặt.

Đều có địa chỉ: Tổ 6, thị trấn C, huyện C, tỉnh Bắc Kạn.

5. Hoàng Văn T – Sinh năm 1991, vắng mặt.

Địa chỉ: Thôn N, xã Y, huyện C, tỉnh Bắc Kạn.

6. Phạm Thị L – Sinh năm 1955, vắng mặt.

Địa chỉ: Tổ 2, thị trấn C, huyện C, tỉnh Bắc Kạn.

7. Ma Văn T – Sinh năm 1986, vắng mặt.

Địa chỉ: Thôn N, xã Y, huyện C, tỉnh Bắc Kạn.

## NỘI DUNG VỤ ÁN

** Tại đơn khởi kiện đề ngày 24 tháng 01 năm 2019, đơn khởi kiện bổ sung ngày 15/3/2019; đơn khởi kiện bổ sung ngày 20/3/2019; bản tự khai; các tài liệu trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn ông Hà Văn T (tên gọi khác là Hà Văn A) trình bày:*

Ông T ký hợp đồng lao động không xác định thời hạn với Ban quản lý Môi trường và Đô thị huyện C ngày 01/02/2017. Ông T làm việc đến tháng 02/2018 thì thuê bà Phạm Thị L (Địa chỉ: Tổ 2, thị trấn C, huyện C, tỉnh Bắc Kạn) làm thay đến hết ngày 30/3/2018. Đến tháng 4 và 5/2018 thì ông T không đi làm, cũng không xin phép nghỉ. Ngày 01/5/2018 Ban quản lý Môi trường và Đô thị có thông báo chấm dứt hợp đồng lao động và ngày 02/5/2018 có Quyết định chấm dứt hợp đồng lao động. Như vậy, Ban quản lý Môi trường và Đô thị huyện C đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động trái pháp luật vì vi phạm điểm a khoản 2 Điều 38 Bộ luật Lao động về thời hạn báo trước, ông T không nhận được thông báo về việc chấm dứt hợp đồng lao động.

Vì vậy, ông T yêu cầu Ban quản lý Môi trường và Đô thị huyện C phải bồi thường cho ông T các khoản theo quy định tại Điều 42 Bộ luật lao động gồm: Tiền lương và tiền bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế của những tháng không được lao động từ ngày Ban quản lý Môi trường và Đô thị huyện C ra quyết định đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động (2/5/2018) mỗi tháng là: 4.200.000đ x 10 tháng = 42.000.000đ; 02 tháng tiền lương theo hợp đồng lao động là 4.200.000đ x 2 tháng = 8.400.000đ; Tiền nghỉ phép 02 năm mỗi năm 12 ngày, mỗi ngày 140.000đ x 24 ngày = 3.360.000đ; Tiền vi phạm thời hạn báo trước 45 ngày, mỗi ngày 140.000đ x 45 = 6.300.000đ; Tổng số tiền yêu cầu bồi thường là 60.060.000đ; Ban quản lý Môi trường và Đô thị huyện C phải nhận ông T trở lại làm việc theo đúng vị trí như hợp đồng.

Tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn ông Hà Văn T vẫn giữ nguyên ý kiến về phần trình bày nội dung vụ án nhưng thay đổi yêu cầu khởi kiện. Ông T yêu cầu bị đơn phải bồi thường các khoản sau: Tiền lương và tiền bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế của những tháng không được lao động từ ngày Ban quản lý Môi trường và Đô thị huyện C ra quyết định đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động với ông T tới ngày mở phiên tòa (từ ngày 02/5/2018 đến ngày 09/8/2019) mỗi tháng là: 4.200.000đ x 15 tháng = 63.000.000đ; 02 tháng tiền lương theo hợp đồng lao động là 4.200.000đ x 2 tháng = 8.400.000đ; Tiền nghỉ phép 02 năm mỗi năm 12 ngày, mỗi ngày 140.000đ x 24 ngày = 3.360.000đ; Tiền vi

phạm thời hạn báo trước 45 ngày, mỗi ngày 140.000đ x 45 ngày = 6.300.000đ; Tiền trợ cấp thôi việc tương ứng với khoảng thời gian ông T làm việc là 1,25 tháng lương = 4.700.000đ. Tổng số tiền yêu cầu bồi thường là 85.760.000đ. Ông T rút yêu cầu khởi kiện về việc Ban quản lý Môi trường và Đô thị huyện C phải nhận ông T trở lại làm việc theo hợp đồng.

** Theo bản tự khai, tại biên bản hòa giải, biên bản lấy lời khai, đại diện theo pháp luật của bị đơn tại giai đoạn xét xử sơ thẩm ông Ma Văn C trình bày:*

Ngày 01/02/2017 Ban thu gom và xử lý rác thải (nay là Ban quản lý Môi trường và Đô thị) huyện C đã ký hợp đồng lao động không xác định thời hạn với ông Hà Văn T làm công nhân thu gom, vận chuyển và xử lý rác thải.

Vào hồi 15h40 phút ngày 02/4/2018 cán bộ Ban quản lý Môi trường và Đô thị huyện C phát hiện và tiến hành lập biên bản hiện trường về việc công nhân Hà Văn T không có mặt tại nơi làm việc, thay vào đó là bà Phạm Thị L khai là được công nhân Hà Văn T thuê làm thay công việc mà Hà Văn T đã ký hợp đồng với Ban thu gom và xử lý rác thải (nay là Ban quản lý Môi trường và Đô thị) huyện C. Tiếp đó, hồi 8h00 phút ngày 04/4/2018, cán bộ Ban quản lý Môi trường và Đô thị huyện C phát hiện và tiến hành lập biên bản hiện trường về việc công nhân Hà Văn T không có mặt tại nơi làm việc. Ngày 05/4/2018, Ban lại phát hiện và lập biên bản về việc công nhân Hà Văn T không có mặt tại nơi làm việc.

Ngày 12/4/2018 Ban quản lý Môi trường và Đô thị huyện C đã mời công nhân Hà Văn T đến nhận tiền lương tháng 02, tháng 03 năm 2018 và thỏa thuận một số nội dung liên quan đến hợp đồng lao động và tại cuộc họp này công nhân Hà Văn T đã có ý kiến nếu đến 16h30 phút ngày 16/4/2018 mà ông T không có ý kiến về việc tiếp tục làm việc hay không thì đề nghị Ban quản lý Môi trường và Đô thị chấm dứt hợp đồng lao động với ông T. Cuối giờ chiều ngày 16/4/2018 Ban quản lý Môi trường và Đô thị huyện C đã họp nội bộ về việc ông Hà Văn T vẫn không có mặt như đã hẹn, vi phạm hợp đồng đã ký kết, tự ý nghỉ việc và ra thông báo số 02/TB-BQLMT ngày 16/4/2018 chấm dứt hợp đồng lao động với ông T.

Sau khi ra thông báo số 02/TB-BQLMT ngày 16/4/2018 thì lẽ ra đến ngày 01/6/2018 mới đủ thời hạn 45 ngày thông báo về việc chấm dứt hợp đồng lao động, nhưng do nhầm lẫn trong việc tính thời gian nên ngày 02/5/2018 Ban quản lý Môi trường và Đô thị huyện C đã ra Quyết định số 05/QĐ-BQLMT về việc chấm dứt hợp đồng lao động với anh Hà Văn T, đồng thời ra thông báo số 03/TB-QLMT để thông báo về quyết định chấm dứt hợp đồng lao động số 05/QĐ-QLMT này. Đến ngày 13/6/2018 thì Ban quản lý Môi trường và Đô thị huyện C phát hiện ra việc nhầm lẫn này nên đã ra Quyết định số 06/QĐ-BQLMT và 07/QĐ-BQLMT hủy thông báo số 03/TB-QLMT và Quyết định số 05/QĐ-QLMT. Đồng thời ra Quyết định số 08/QĐ-BQLMT về việc chấm dứt hợp đồng lao động với ông Hà Văn T kể từ ngày 01/6/2018.

Tất cả các thông báo, quyết định về việc chấm dứt hợp đồng lao động với ông Hà Văn T đều được Ban quản lý Môi trường và Đô thị huyện C gửi theo

đường bưu điện và đến nơi cư trú của ông T niêm yết. Lý do Ban không thể tống đạt trực tiếp các thông báo và quyết định về việc chấm dứt hợp đồng lao động cho ông T là do ông T không có mặt ở nơi làm việc, Ban cũng đã cử người đến nơi cư trú của ông T nhưng vẫn không gặp được ông T, do vậy Ban đã tiến hành niêm yết các thông báo, quyết định trên có sự chứng kiến, xác nhận của chính quyền địa phương nơi ông T cư trú.

Về các yêu cầu khởi kiện của ông T, Ban quản lý Môi trường và Đô thị không chấp nhận tất cả các yêu cầu này vì ông T đã vi phạm Điều 30 Bộ luật Lao động là: "Công việc theo hợp đồng lao động phải do người lao động đã giao kết hợp đồng thực hiện". Ông T đã không trực tiếp thực hiện công việc theo hợp đồng đã ký kết mà tự ý đi thuê người khác làm thay mình. Sau khi lập biên bản về hành vi vi phạm của ông T, Ban quản lý Môi trường và Đô thị huyện C đã làm việc với người được ông T thuê lao động thay thì được biết ông T đã thuê những người này làm thay ngay sau khi ký hợp đồng lao động với Ban được khoảng 01 tháng cho đến khi bị phát hiện và lập biên bản. Như vậy ông T thường xuyên không hoàn thành công việc. Hơn nữa, từ khi Ban phát hiện và lập biên bản về việc vi phạm này, ông T cũng không đến và tự ý bỏ việc không thông báo cho Ban quản lý Môi trường và Đô thị huyện C biết. Ngày 12/4/2018 ông T có đến tham dự cuộc họp nội bộ của Ban và ông T có nêu ý kiến nếu đến 16h30 phút ngày 16/4/2018 mà ông T không có ý kiến gì với Ban thì Ban chấm dứt hợp đồng lao động cho ông T. Do đó việc Ban ra quyết định chấm dứt hợp đồng lao động với ông T là hoàn toàn có căn cứ và đúng quy định của pháp luật. Với việc vi phạm của ông T có đủ căn cứ để Ban quản lý Môi trường và Đô thị xử lý kỷ luật đối với ông Hà Văn T với hình thức kỷ luật "Sa thải". Tuy nhiên, vì tính nhân đạo, nếu Ban ra quyết định kỷ luật sa thải đối với ông T thì sẽ gây khó khăn cho ông T trong việc tìm việc làm mới, vì vậy Ban quản lý Môi trường và Đô thị mới ra quyết định chấm dứt hợp đồng lao động. Về việc ông T yêu cầu bồi thường các khoản tiền theo quy định tại Điều 42 Bộ luật Lao động do Ban ra quyết định đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động trái pháp luật thì Ban quản lý Môi trường và Đô thị không nhất trí, đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật.

* *Người làm chứng Đỗ Thị T khai:* Được ông T thuê làm việc thay ông T với mức lương là 3.000.000đ/1 tháng, thỏa thuận bằng miệng, công việc là thu gom rác thải. Thời gian cụ thể không còn nhớ, làm được 1 thời gian thì nghỉ. Trong thời gian bà T làm thay thì ông T không đi làm.

* *Người làm chứng Phạm Thị L khai:* Được ông T thuê làm thay từ tháng 6/2017 đến đầu tháng 4/2018 với số tiền là 3.000.000đ/1 tháng, thỏa thuận bằng miệng, không lập văn bản, đầu tháng 4/2018 bị Ban quản lý Môi trường và Đô thị huyện C phát hiện và lập biên bản nhiều lần nhưng vẫn cho bà Liên làm hết tháng 4/2018 mới nghỉ. Các ngày 2,4,5/4/2018 Bà Liên bị lập Biên bản hiện trường vì thực hiện công việc thu gom rác thải nhưng không phải là công nhân mà Ban nhận ký hợp đồng. Bà L có được ký vào biên bản hiện trường do Ban quản lý Môi trường và Đô thị lập về việc ông T không đi làm mà thuê bà Liên làm thay công việc.

* *Người làm chứng Trần Văn V khai:* Là công nhân thu gom và xử lý rác thải từ năm 2015 và được cử làm tổ trưởng phụ trách công việc thu gom và xử lý rác thải, ông T ký hợp đồng với Ban từ đầu năm 2017 cụ thể thời gian không nhớ. Trong quá trình làm việc thì khi bắt đầu đi làm ông T đi làm được khoảng 02 tháng. Sau đó ông T thuê bà Đỗ Thị T – trú tại tổ 6, thị trấn C làm thay đến hết tháng 5/2017 với mức tiền là 3.000.000đ/1 tháng. Đến tháng 6/2017 ông T vẫn không đi làm mà tiếp tục thuê bà Phạm Thị L – trú tại tổ 2, thị trấn C làm thay công việc của ông T đến hết tháng 4/2018 với mức tiền là 3.000.000đ/1 tháng. Việc ông T thuê người làm thay đã bị lập biên bản và nhắc nhở nhiều lần.

* *Người làm chứng Hoàng Văn T khai:* Biết ông T ký hợp đồng lao động với Ban quản lý Môi trường và Đô thị huyện C từ khoảng tháng 02/2017, thời gian cụ thể không nhớ chính xác. Ban đầu đi làm được khoảng 01 tháng, sau đó ông T thuê bà Đỗ Thị Tâm – trú tại tổ 6, thị trấn C làm thay đến hết tháng 5/2017. Đến tháng 6/2017 ôngT vẫn không đi làm mà tiếp tục thuê bà Phạm Thị L – tổ 2, thị trấn C làm thay công việc của ông T đến hết tháng 4/2018 với mức tiền trả công làm thay cho bà T và bà L là 3.000.000đ/1 tháng. Ông T biết được sự việc trên là trong quá trình ông T làm kỹ thuật, thường xuyên đi kiểm tra hiện trường nên thấy bà T và bà L làm thay ông T, sau đó ông Thực đã tiến hành lập biên bản hiện trường và báo cáo lãnh đạo đơn vị về sự việc của ông T.

* *Những người làm chứng Phạm Thị Thúy H, Quán Thị P là những người công nhân cùng làm với ông T tại Ban quản lý môi trường và đô thị huyện C đều khẳng định:* Ông T ký hợp đồng lao động với Ban quản lý Môi trường và Đô thị Huyện C với công việc làm tại tổ thu gom rác thải nhưng khi mới ký hợp đồng ông T đi làm được khoảng 2 tuần thì thuê người làm thay vài ngày rồi lại đi làm, cứ lặp lại như vậy chứ ông T không đi làm thường xuyên theo hợp đồng đã ký, từ tháng 3/2017 đến tháng 5/2017 thì ông T không đi làm nữa mà thuê bà Đỗ Thị T trú tại Tổ 6, thị trấn C, huyện C làm thay với số tiền thuê là 3.000.000đ/ tháng. Từ tháng 6/2017 đến tháng 4/2018 ông T thuê bà Phạm Thị L trú tại Tổ 2, thị trấn C, huyện C làm thay với số tiền thuê là 3.000.000đ/ tháng. Từ tháng 5/2018 thì ông T bỏ hẳn không đi làm nữa và cũng không thuê ai làm thay nữa.

* *Người làm chứng ông Ma Văn T khẳng định:* Ông T là kế toán của Ban quản lý Môi trường và đô thị huyện C. Tại cuộc họp nội bộ ngày 12/4/2018 ông Thuyên và ông T có tham dự. Ban quản lý Môi trường và Đô thị huyện C có hỏi ông T còn tiếp tục làm việc theo hợp đồng tại Ban quản lý Môi trường và Đô thị huyện C nữa hay không, thì ông T có ý kiến là hẹn đến 16h30 ngày 16/4/2018 ông T sẽ trả lời Ban quản lý Môi trường và Đô thị huyện C, nếu ông T không có ý kiến về việc tiếp tục làm việc hay không thì Ban quản lý Môi trường và Đô thị có thể chấm dứt hợp đồng lao động và có ký vào biên bản họp. Ban quản lý Môi trường và Đô thị đã trả lương đến hết tháng 5/2018 và tờ rời bảo hiểm cho ông T. Do ông T được mời nhiều lần nhưng không đến nên Ban quản lý Môi trường và Đô thị huyện C đã giao cho bà Hà Thị V là chị gái của ông T nhận thay. Bà V cam kết sẽ trao tận tay cho ông T.

Bản án lao động sơ thẩm số 01/2019/LĐST ngày 09/8/2019 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Bắc Kạn áp dụng khoản 1 Điều 32; điểm c khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 47; khoản 2 Điều 244; Điều 266; Điều 273; Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; Điều 30; điểm a khoản 1 Điều 38; khoản 5 Điều 42; khoản 2 Điều 200 của Bộ luật Lao động.

Quyết định:

1. Đình chỉ xét xử đối với phần yêu cầu Ban quản lý Môi trường và Đô thị huyện C nhận nguyên đơn Hà Văn T trở lại làm việc.

2. Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Hà Văn T đối với bị đơn Ban quản lý Môi trường và Đô thị huyện C.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về án phí sơ thẩm, quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày13/8/2019, ông Hà Văn T có đơn kháng cáo với nội dung: Kháng cáo toàn bộ Bản án Lao động sơ thẩm số: 01/2019/LĐST ngày 09/8/2019 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Bắc Kạn. Yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xét xử lại Bản án Lao động sơ thẩm số: 01/2019/LĐST ngày 09/8/2019 về việc *"Tranh chấp đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động"*của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Bắc Kạn theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

*Tại phiên tòa phúc thẩm:*

Nguyên đơn Hà Văn T giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Ông T khẳng định ông T khởi kiện quyết định số 08/QĐ-BQLMT ngày 13/6/2018 của Ban quản lý Môi trường và Đô thị huyện C về việc đơn phương chấm dứt hợp đồng trái pháp luật với ông T. Yêu cầu Ban quản lý Môi trường và Đô thị huyện C bồi thường một khoản tiền là 85.760.000đ cho ông T theo quy định tại Điều 42 Bộ luật lao động gồm các khoản: Tiền lương và tiền bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế của những tháng không được lao động từ ngày Ban quản lý Môi trường và Đô thị huyện C ra quyết định đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động với ông T tới ngày mở phiên tòa sơ thẩm (từ ngày 02/5/2018 đến ngày 09/8/2019) mỗi tháng là: 4.200.000đ x 15 tháng = 63.000.000đ; 02 tháng tiền lương theo hợp đồng lao động là 4.200.000đ x 2 tháng = 8.400.000đ; Tiền nghỉ phép 02 năm mỗi năm 12 ngày, mỗi ngày 140.000đ x 24 ngày = 3.360.000đ; Tiền vi phạm thời hạn báo trước 45 ngày, mỗi ngày 140.000đ x 45 ngày = 6.300.000đ; Tiền trợ cấp thôi việc tương ứng với khoảng thời gian ông T làm việc là 1,25 tháng lương = 4.700.000đ. Giữ nguyên ý kiến đối với việc rút yêu cầu Ban quản lý Môi trường và Đô thị huyện C nhận ông T trở lại làm việc.

Ông Nguyễn Văn H – đại diện Ban quản lý Môi trường và Đô thị huyện C không đồng ý với yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn. Xác định lỗi do nguyên đơn không thực hiện đúng hợp đồng đã ký kết, không tự mình thực hiện các công việc của người lao động khi đã ký hợp đồng, bị người sử dụng lao động lập biên bản vi phạm nhiều lần. Đúng ra là phải thực hiện kỷ luật bằng hình thức sa thải nhưng do tính nhân đạo sợ áp dụng hình thức sa thải thì người lao động sẽ không xin được việc ở nơi khác nên áp dụng hình thức chấm dứt hợp đồng lao

động. Hơn nữa tại cuộc họp ngày 12/4/2018 thì ông T đã thỏa thuận nếu đến cuối giờ chiều ngày 16/4/2018 ông T sẽ trả lời việc tiếp tục làm việc theo hợp đồng tại Ban quản lý Môi trường và Đô thị huyện C hay không, nếu không thấy ông T trả lời thì Ban quản lý Môi trường và Đô thị huyện C có quyền chấm dứt hợp đồng lao động với ông T. Như vậy việc chấm dứt hợp đồng lao động với ông T là chấm dứt hợp đồng lao động có thỏa thuận chứ không phải đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động. Xác định lỗi của người lao động nên không chấp nhận yêu cầu bồi thường, đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm.

*Kiểm sát viên có ý kiến:*

- Về tố tụng: Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình thụ lý giải quyết vụ án và tại phiên tòa phúc thẩm.

- Về nội dung: Sau khi Ban quản lý Môi trường và Đô thị phát hiện ông T không thực hiện công việc của mình mà thuê người khác làm thay nên đã nhiều lần lập biên bản và triệu tập họp nội bộ để nhắc nhở chung. Tại cuộc họp ngày 12/4/2018 ông T có ý kiến là đến 16h30’ ngày 16/4/2018 nếu ông T không có ý kiến về việc tiếp tục làm việc hay không thì đề nghị Ban quản lý Môi trường và Đô thị huyện C chấm dứt hợp đồng lao động và được Ban quản lý Môi trường và Đô thị huyện C chấp nhận, như vậy giữa ông T và Ban quản lý Môi trường và Đô thị huyện C có sự thỏa thuận. Ngày 16/4/2018 Ban Quản lý Môi trường và Đô thị huyện C ban hành thông báo số 02/TB-BQLMT ngày 16/4/2018 thông báo cho ông T biết Ban sẽ chấm dứt hợp đồng lao động với ông T kể từ ngày 01/6/2018. Đến ngày 13/6/2018 Ban quản lý Môi trường và Đô thị huyện C ban hành quyết định số 08/QĐ-BQLMT về việc chấm dứt hợp đồng lao động với ông T đồng thời thanh toán tiền lương cho ông T đến hết tháng 5/2018 là phù hợp với quy định tại khoản 3 Điều 36 Bộ luật Lao động. Do đó ông T khởi kiện yêu cầu Ban quản lý Môi trường và Đô thị huyện C bồi thường các khoản tiền do đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động trái pháp luật đối với ông T là không có cơ sở. Căn cứ theo quy định của pháp luật, đối với trường hợp chấm dứt hợp đồng lao động người lao động sẽ được hưởng chế độ trợ cấp thôi việc theo quy định tại Điều 48 Bộ luật Lao động. Tuy nhiên tại cấp sơ thẩm đương sự không có yêu cầu nên Tòa án không xem xét, nếu đương sự có yêu cầu thì sẽ giải quyết trong vụ án khác.

Đề nghị hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn Hà Văn T, giữ nguyên bản án sơ thẩm số 01/2019/LĐST ngày 09/8/2019 của Tòa án nhân dân huyện C.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 13/8/2019 ông Hà Văn T kháng cáo toàn bộ Bản án Lao động phúc thẩm số: 01/2019/LĐST ngày 09/8/2019 về việc *“Tranh chấp đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động”*của Tòa án nhân dân

huyện C, tỉnh Bắc Kạn. Nội dung, hình thức, thời hạn nộp đơn kháng cáo trong thời hạn luật định và nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm theo quy định nên kháng cáo của ông T là hợp lệ, được Hội đồng xét xử chấp nhận xét xử theo trình tự phúc thẩm.

[2] Đối với yêu cầu khởi kiện của ông Hà Văn T cho rằng quyết định số 08/QĐ-BQLMT ngày 13/6/2018 về việc đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động của Ban quản lý Môi trường và Đô thị huyện C là vi phạm pháp luật, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Từ ngày 01/02/2017 Ban thu gom và xử lý rác thải huyện C (nay là Ban quản lý Môi trường và Đô thị huyện C) ký hợp đồng lao động số 09, loại hợp đồng không xác định thời hạn và Quyết định tuyển dụng số 53/QĐ-BTG&XLRT ngày 01/02/2017 với ông Hà Văn T làm công nhân thu gom rác thải, thời gian làm việc là 08giờ/ngày từ thứ hai đến thứ bảy. Quá trình làm việc là chịu sự điều động trực tiếp của trưởng ban và cán bộ quản lý trong việc thu gom và xử lý rác thải sinh hoạt trên địa bàn huyện. Sau khi ký hợp đồng ông T làm công nhân tại tổ thu gom rác thải trên địa bàn huyện C. Tuy nhiên, ông T chỉ làm ở tổ thu gom rác thải được một thời gian ngắn, đến tháng 3/2017 thì ông T thuê bà Đỗ Thị Tâm trú tại Tổ 6, thị trấn C, huyện C làm thay với số tiền thuê là 3.000.000đ/ tháng. Từ tháng 6/2017 đến tháng 4/2018 ông T thuê bà Phạm Thị Liên trú tại Tổ 2, thị trấn C, huyện C làm thay với số tiền thuê là 3.000.000đ/ tháng. Còn ông T không trực tiếp làm công việc của mình. Ngày 08/01/2018 Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Kạn ban hành quyết định số 30/QĐ-UBND về việc thành lập Ban quản lý Môi trường và Đô thị huyện C trên cơ sở tổ chức lại Ban thu gom và xử lý rác thải huyện C. Ngày 28/3/2018 Ban quản lý Môi trường và Đô thị huyện C ban hành quy chế hoạt động của Ban và đã tổ chức họp toàn bộ cán bộ và người lao động của Ban thông báo quy chế hoạt động và quán triệt người lao động không được thuê, nhờ người khác làm thay công việc của mình. Tuy nhiên trong thời gian này ông Hà Văn T vẫn thuê bà Phạm Thị Liên làm thay công việc của mình nên bị lập biên bản vi phạm nhiều lần. Ngày 12/4/2018 Ban quản lý Môi trường và Đô thị huyện C mời ông T tham gia cuộc họp và thông báo cho ông T biết về việc không chấp nhận ông T thuê người khác làm thay công việc của mình và cho ông T quyết định tiếp tục thực hiện hợp đồng lao động hay chấm dứt hợp đồng lao động. Tại cuộc họp ngày 12/4/2018 ông T hẹn đến ngày 16/4/2018 thì ông T sẽ trả lời là ông T có tiếp tục thực hiện hợp đồng lao động hay không, nếu đến 16h30’ ngày 16/4/2018 ông T không có ý kiến trả lời thì Ban quản lý Môi trường và Đô thị huyện C có quyền chấm dứt hợp đồng lao động đối với ông T. Như vậy, giữa ông T và Ban quản lý Môi trường và Đô thị huyện C có sự thỏa thuận về việc chấm dứt hợp đồng lao động. Đến 16h30’ ngày 16/4/2018 ông T không có ý kiến trả lời nên Ban quản lý Môi trường và Đô thị huyện C tiến hành họp nội bộ và ra thông báo số 02/TB-BQLMT về việc chấm dứt hợp đồng lao động với ông Hà Văn T từ ngày 01/6/2018 và Ban quản lý Môi trường và Đô thị huyện C tiến hành giao thông báo cho ông T nhưng không gặp nên đã tiến hành niêm yết tại trụ sở UBND phường Đức Xuân nơi ông T cư trú. Đến ngày 02/5/2018 Ban quản lý

Môi trường và Đô thị huyện C có thông báo số 03/TB-BQLMT và ngày 02/5/2018 có Quyết định số 05/QĐ-BQLMT về việc chấm dứt hợp đồng lao động đối với ông Hà Văn T. Tuy nhiên đến ngày 13/6/2018 thì Ban quản lý Môi trường và Đô thị huyện C ban hành Quyết định số 06/QĐ-BQLMT ngày 13/6/2018 và Quyết định số 07/QĐ-BQLMT ngày 13/6/2018 về việc thu hồi Thông báo 03/TB-BQLMT ngày 02/5/2018 và Quyết định số 05/QĐ-BQLMT ngày 02/5/2018. Ngày 13/6/2018 Ban quản lý Môi trường và Đô thị huyện C ban hành Quyết định chấm dứt hợp đồng lao động số 08/QĐ-BQLMT đối với ông Hà Văn T kể từ ngày 01/6/2018.

Tại phiên tòa phúc thẩm ông T vẫn khẳng định ông T khởi kiện Ban quản lý Môi trường và Đô thị huyện C quyết định đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động đối với ông T là vi phạm pháp luật, vi phạm thời hạn báo trước đối với người lao động. Ông T không chấp nhận việc niêm yết thông báo chấm dứt hợp đồng lao động tại nơi cư trú vì bản thân ông T trong thời gian này đang ký hợp đồng lao động làm công việc bảo vệ tại Trường mầm non Đức Xuân – thành phố Bắc Kạn nên không thể không có mặt tại nơi cư trú. Và yêu cầu Ban quản lý Môi trường và Đô thị huyện C bồi thường theo điều 42 Bộ luật Lao động với tổng số tiền yêu cầu bồi thường là 85.760.000đ.

[3] Trong quá trình giải quyết phúc thẩm ông T thừa nhận trong thời gian ký hợp đồng lao động tại Ban quản lý Môi trường và Đô thị huyện C thì ông T còn ký hợp đồng lao động tại Trường mầm non Đức Xuân – thành phố Bắc Kạn nên Tòa án cấp phúc thẩm đã tiến hành xác minh sự việc. Tại biên bản xác minh ngày 13/11/2019 xác minh thông tin đối với bà Nguyễn Thị Niên – Hiệu trưởng trường Mầm non Đức Xuân, phường Đức Xuân, thành phố Bắc Kạn khẳng định: "Trường Mầm non Đức Xuân ký hợp đồng lao động với ông Hà Văn T theo hợp đồng thỏa thuận số 06 ngày 01/10/2017, thời gian thực hiện hợp đồng từ ngày 01/10/2017 đến ngày 31/12/2017; hợp đồng thỏa thuận số 02 ngày 31/12/2017, thời gian thực hiện hợp đồng từ ngày 01/01/2018 đến ngày 31/12/2018; hợp đồng thỏa thuận số 02 ngày 31/12/2018, thời gian thực hiện hợp đồng từ ngày 01/01/2019 đến ngày 31/12/2019. Thời gian làm việc là 24/24 giờ các ngày trong tháng, kể cả thứ bảy, chủ nhật hàng tuần và các ngày lễ, tết trong năm. Theo quy định của điều 21, Bộ Luật Lao động 2012 thì: "*Người lao động có thể giao kết hợp đồng lao động với nhiều người sử dụng lao động, nhưng phải bảo đảm thực hiện đầy đủ các nội dung đã giao kết".* Theo quy định trên thì ông T có thể giao kết hợp đồng lao động với nhiều người sử dụng lao động nhưng phải đảm bảo thực hiện đầy đủ các nội dung đã giao kết, đảm bảo các quyền nghĩa vụ của hai bên. Thời gian làm việc của ông T là 24/24 giờ kể cả các ngày thứ bảy, chủ nhật và lễ, tết, nên việc ông T ký song song hai hợp đồng cùng thời điểm thì sẽ không bảo đảm được việc thực hiện công việc đã được giao khi ký kết hợp đồng lao động. Như vậy ông T đã vi phạm nghĩa vụ của người lao động.

[4] Trong quá trình giải quyết phúc thẩm ông T cho rằng ông chưa được nhận lương tháng 2 và tháng 3 năm 2018 và ông T không được tham dự cuộc họp nội bộ ngày 12/4/2018, chữ ký tại biên bản cuộc họp ngày 12/4/2018 và chữ ký nhận lương trong bảng lương tháng 2 và tháng 3 năm 2018 không phải là chữ

ký của ông T. Ngày 31/10/2019 ông T có đơn đề nghị tòa án cấp phúc thẩm trưng cầu giám định chữ ký, cụ thể trong đơn ông T yêu cầu giám định chữ ký tại "Biên bản họp nội bộ ngày 12/4/2018", "Bảng lương tháng 02/2018 và tháng 3/2018".

Tòa án đã tiến hành thu thập mẫu so sánh giám định là 02 Hợp đồng lao động số 09 ngày 01/02/2017. (Là bản chính – 01 bản do ông T cung cấp và 01 bản do Ban Quản lý Môi trường và Đô thị huyện C cung cấp). Trên hợp đồng lao động số 09 ngày 01/02/2017 có chữ ký của ông T và ông T cũng xác nhận là chữ ký do chính ông T ký ra, đây là tài liệu đủ yếu tố để thực hiện việc so sánh giám định chữ ký.

Tại kết luận giám định số 02/KTHS-GĐCK ngày 26/12/2019 của Phòng kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Bắc Kạn, kết luận:

Chữ ký Hà Văn T tại biên bản họp nội bộ ngày 12/4/2018 và chữ ký trên bảng thanh toán tiền lương tháng 02, tháng 03 năm 2018 với chữ ký của Hà Văn T trên tài liệu mẫu so sánh (ký hiệu M1, M2) là do cùng một người ký ra.

Từ kết luận giám định có thể khẳng định rằng ngày 12/4/2018 ông T có đến tham dự cuộc họp nội bộ của Ban quản lý Môi trường và Đô thị huyện C và đã nhận đủ tiền lương đến hết tháng 5/2018. Ngày 16/4/2018 ông T không đến Ban quản lý Môi trường và Đô thị huyện C để có ý kiến về việc còn tiếp tục làm việc tại Ban hay không nên Ban quản lý Môi trường và Đô thị huyện C căn cứ biên bản họp nội bộ ngày 12/4/2018 ra thông báo số 02/TB-BQLMT ngày 16/4/2018 về việc chấm dứt hợp đồng lao động với ông Hà Văn T từ ngày 01/6/2018. Ông T cho rằng không biết việc Ban quản lý Môi trường và Đô thị huyện C ra thông báo chấm dứt hợp đồng lao động đối với mình là không có căn cứ.

[5] Theo các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án, lời khai của các đương sự và những người làm chứng thì có căn cứ xác định ông Hà Văn T vào làm việc tại Ban quản lý Môi trường và Đô thị huyện C từ ngày 01/02/2017, hai bên đã ký kết hợp đồng lao động số 09, là hợp đồng không xác định thời hạn. Tại biên bản lấy lời khai ngày 30/10/2019 ông Hà Văn T cũng công nhận là trong hợp đồng lao động có quy định là ông T phải tuân thủ theo sự phân công công việc của Ban quản lý Môi trường và Đô thị huyện C, có được phổ biến quy định về việc không được thuê người làm hộ. Quá trình làm việc tại Ban quản lý Môi trường và Đô thị thì ông T thường xuyên thuê người làm thay công việc của mình. Tháng 4,5/2018 thì ông T tự ý nghỉ việc không có lý do và cũng không thuê ai làm thay công việc của mình tuy nhiên Ban quản lý Môi trường và Đô thị huyện C vẫn đóng bảo hiểm và trả lương đến hết tháng 5/2018 cho ông T. Đối với quyết định số 08/QĐ-BQLMT ngày 13/6/2018 là quyết định chấm dứt hợp đồng lao động có thỏa thuận chứ không phải quyết định đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động tuy nhiên tại đơn khởi kiện và tại phiên tòa ông T vẫn khẳng định khởi kiện quyết định số 08/QĐ-BQLMT ngày 13/6/2018 của Ban quản lý Môi trường và Đô thị huyện C là quyết định đơn phương chấm dứt hợp đồng trái pháp luật, do đó ông T khởi kiện Ban quản lý Môi trường và Đô thị huyện C bồi

thường các khoản tiền theo quy định tại Điều 42 Bộ luật lao động là không có căn cứ để chấp nhận nên Tòa án cấp sơ thẩm bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông T là đúng quy định. Đối với trường hợp chấm dứt hợp đồng lao động người lao động được hưởng chế độ trợ cấp thôi việc theo quy định tại Điều 48 Bộ luật lao động, tuy nhiên tại cấp sơ thẩm đương sự không có yêu cầu nên Tòa án không xem xét, nếu có yêu cầu sẽ giải quyết bằng vụ án khác. Từ những nhận định trên xét thấy kháng cáo của ông Hà Văn T là không có căn cứ, cần bác toàn bộ kháng cáo của ông Hà Văn T.

[6] Tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn Hà Văn T đã rút yêu cầu khởi kiện đối với yêu cầu đơn vị sử dụng lao động đưa người lao động trở lại làm việc theo hợp đồng, đúng vị trí nên Hội đồng xét xử cấp sơ thẩm đã đình chỉ xét xử yêu cầu này. Tại phiên tòa phúc thẩm ông T cũng không có ý kiến đối với yêu cầu này nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Hội đồng xét xử nhận thấy Bản án sơ thẩm còn có thiếu sót cần rút kinh nghiệm như: Xác định quan hệ pháp luật là tranh chấp đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động nên nhận định việc tính số ngày vi phạm thời hạn báo trước khi đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động là 29 ngày, đồng thời hoán đổi từ tiền lương tháng 5/2018 của ông T sang tiền bồi thường do vi phạm thời gian báo trước là chưa chính xác. Nếu tính thời hạn từ ngày 16/4/2018 ra thông báo số 02/TB-BQLMT về việc chấm dứt hợp đồng lao động đến ngày 13/6/2018 ban hành Quyết định số 08/QĐ-BQLMTchấm dứt hợp đồng lao động với ông Hà Văn T từ ngày 01/6/2018 là đủ thời hạn báo trước về việc chấm dứt hợp đồng lao động.

[8] Trong quá trình xét xử phúc thẩm ông Hà Văn T nộp một khoản tiền tạm ứng chi phí giám định là 10.000.000đ (*Mười triệu đồng*) theo biên bản giao nhận tiền tạm ứng chi phí tố tụng ngày 22/11/2019, theo cơ quan giám định là Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Bắc Kạn thì chi phí giám định là 6.480.000đ (*Sáu triệu bốn trăm tám mươi nghìn đồng*), việc chi phí giám định do ông T yêu cầu và kết quả giám định là đúng chữ ký của ông T nên ông T phải chịu đối với chi phí giám định này. Tòa án đã trả lại số tiền còn lại sau khi giám định là 3.520.000đ (*Ba triệu năm trăm hai mươi nghìn đồng*) cho ông T theo biên bản giao nhận tiền tạm ứng chi phí tố tụng ngày 20/01/2020.

Từ nhận định trên, Hội đồng xét xử thấy rằng có cơ sở để bác kháng cáo của nguyên đơn Hà Văn T, giữ nguyên bản án sơ thẩm số 01/2019/LĐST ngày 09/8/2019 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Bắc Kạn.

*Về án phí:* Nguyên đơn Hà Văn T được miễn án phí sơ thẩm và án phí phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

## QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng  Khoản 1 Điều 308, khoản 1 Điều 148/Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 1 Điều 12; khoản 1 Điều 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14

ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

*Tuyên xử:*

1. Không chấp nhận kháng cáo của ông Hà Văn T về việc yêu cầu Ban quản lý Môi trường và Đô thị huyện C, tỉnh Bắc Kạn bồi thường tổng số tiền 85.760.000đ (*Tám mươi năm triệu bẩy trăm sáu mươi nghìn đồng*) do đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động trái pháp luật. Giữ nguyên Quyết định của bản án sơ thẩm số: 01/2019/LĐST ngày 09/8/2019 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Bắc Kạn.

2. Bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Hà Văn T yêu cầu bị đơn Ban quản lý Môi trường và Đô thị huyện C, tỉnh Bắc Kạn bồi thường thiệt hại do đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động.

3. Đình chỉ xét xử đối với phần yêu cầu Ban quản lý Môi trường và Đô thị huyện C nhận nguyên đơn Hà Văn T trở lại làm việc.

4. Về chi phí giám định: Ông Hà Văn T phải chịu tiền chi phí giám định chữ ký là 6.480.000đ (*Sáu triệu bốn trăm tám mươi nghìn đồng*). Xác nhận ông T đã nộp tiền tạm ứng chi phí giám định là 10.000.000đ (*Mười triệu đồng*) theo biên bản giao nhận tiền tạm ứng chi phí tố tụng ngày 22/11/2019. Ông T được trả lại số tiền tạm ứng chi phí tố tụng còn lại là 3.520.000đ (*Ba triệu năm trăm hai mươi nghìn đồng*), ông T đã nhận lại số tiền 3.520.000đ (*Ba triệu năm trăm hai mươi nghìn đồng*) theo biên bản giao nhận tiền tạm ứng chi phí tố tụng ngày 20/01/2020. Ông T đã nộp đủ chi phí giám định.

5. Về án phí: Nguyên đơn ông Hà Văn T được miễn án phí sơ thẩm và án phí phúc thẩm.

*"Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại cá điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự".*

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

*Nơi nhận:*
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Kạn;
- TAND huyện C, tỉnh Bắc Kạn;
- Chi cục THADS huyện C, tỉnh Bắc Kạn;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Phòng KTNV TATBK;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM**
**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Đàm Thị Minh Hường**